

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Số: *11789*/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Bình, ngày *31* tháng *12* năm *2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết 19/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình thông qua Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3363/TTr-SXD ngày 24 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình, với nội dung chi tiết tại Kế hoạch kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch, thường xuyên theo dõi việc thực hiện, kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



KẾ HOẠCH

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2022 TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Quyết định số 1189/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2022 tỉnh Quảng Bình)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa việc thực hiện các mục tiêu phát triển nhà ở tại Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2030 đã được phê duyệt.

- Xác định vị trí, khu vực phát triển nhà ở, số lượng dự án đầu tư xây dựng nhà ở, tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở cần đầu tư xây dựng; số lượng, diện tích sàn xây dựng nhà ở xã hội cần đầu tư xây dựng; chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân đầu người tại đô thị, nông thôn và trên địa bàn toàn tỉnh; chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu; diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở (nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, nhà ở do người dân tự xây dựng); nguồn vốn huy động cho phát triển các loại nhà ở.

- Góp phần chỉnh trang và phát triển đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp dân cư với mức thu nhập khác nhau, đặc biệt là nhà ở cho các đối tượng có thu nhập thấp, người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội theo quy định.

- Góp phần nâng cao công tác quản lý nhà nước nhằm đảm bảo thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

2. Yêu cầu

- Phù hợp với chiến lược phát triển nhà ở quốc gia; Quy hoạch tỉnh; Chương trình phát triển đô thị tỉnh; Chương trình phát triển nhà ở tỉnh giai đoạn 2021-2030; các quy hoạch khác có liên quan.

- Phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng năm và giai đoạn của Kế hoạch.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các chỉ tiêu về phát triển nhà ở toàn tỉnh

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt: 27,6 m²/người.

- Diện tích nhà ở tối thiểu toàn tỉnh đạt: 8,5 m²/người.

- Tổng diện tích nhà ở năm 2022 là: 25.483.377 m² sàn.

- Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm là: 780.850m² sàn.

(Handwritten mark)

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 96,2%, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ giảm còn 3,8% tổng số nhà ở.

2. Phương án phát triển các loại hình nhà ở

- Phát triển nhà ở thương mại: 123.000 m² sàn.
- Phát triển nhà ở xã hội: 5.750 m² sàn.
- Phát triển nhà ở do hộ gia đình cá nhân tự xây dựng: 652.100 m² sàn.

3. Diện tích đất ở tăng thêm để xây dựng nhà ở năm 2022

Diện tích đất phát triển nhà ở khoảng 2.780 ha. Bao gồm:

- Diện tích đất phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị là 2.039 ha.
- Diện tích đất phát triển Dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở (khu dân cư, HTKT, phát triển quỹ đất...) khoảng 582 ha.

- Diện tích đất phát triển nhà ở xã hội là 23,4 ha.

- Diện tích đất phát triển nhà ở do người dân tự xây dựng (trên diện tích đất đã thuộc sở hữu riêng) là 136 ha.

4. Vốn và nguồn vốn thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở

a) Về vốn:

- Vốn phát triển nhà ở năm 2022 khoảng 4.804 tỷ đồng. Bao gồm:
 - + Vốn phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị, dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở khoảng 1.071 tỷ đồng.
 - + Vốn phát triển nhà ở riêng lẻ của người dân khoảng 3.733 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn:

Dự kiến các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng.v.v..
- Nhà ở riêng lẻ do người dân tự xây dựng từ nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình.

- Phát triển dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở, từ nguồn vốn nhà nước (ứng vốn quỹ phát triển đất)

- Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội: Từ nguồn vốn của doanh nghiệp; vốn vay các tổ chức tín dụng ưu đãi; vay Ngân hàng chính sách xã hội; ngân sách thu từ các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô dưới 5 ha tại các đô thị loại III trở lên và quy hoạch là đô thị loại III trở lên nhưng không quy hoạch quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội; nguồn hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật (nếu có).v.v..

5. Các dự án triển khai thực hiện

- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị đang triển khai (theo Phụ lục 1), gồm 27 dự án;

- Vị trí của các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị dự kiến phát triển (theo Phụ lục 2), gồm 112 vị trí;

- Vị trí các Dự án đầu tư xây dựng sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở (khu dân cư, HTKT, phát triển quỹ đất...) dự kiến phát triển (Phụ lục 3), gồm 178 vị trí.

- Vị trí các dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội (theo Phụ lục 4), gồm 7 vị trí.

BẢNG TỔNG HỢP VỊ TRÍ PHÁT TRIỂN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KHU ĐÔ THỊ NĂM 2022

STT	Vị trí phát triển nhà ở	Vị trí dự án đang thực hiện	Quỹ đất tương ứng (ha)	Vị trí kêu gọi đầu tư	Quỹ đất tương ứng (ha)
	Toàn tỉnh	27	327	112	2039
1	Thành phố Đồng Hới	18	212	37	546,08
2	Huyện Bố Trạch	1	8	16	319,76
3	Huyện Quảng Trạch	2	56,6	9	152,42
4	Thị xã Ba Đồn	0	0	6	192,93
5	Huyện Lệ Thủy	2	16,11	11	201,68
6	Huyện Quảng Ninh	4	33,9	33	625,96

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách:

Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc đầu tư xây dựng phát triển nhà ở theo hướng đơn giản hóa thủ tục, dễ thực hiện và rút ngắn thời gian, liên quan đến việc chấp thuận chủ trương; quản lý thực hiện quá trình đầu tư; thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, giao đất, cấp phép xây dựng.

2. Giải pháp về đất ở:

Trên cơ sở Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của các huyện, thị xã, thành phố đã được UBND tỉnh phê duyệt và danh mục dự án nhà ở, khu đô thị dự kiến (đã có chủ trương của tỉnh) để lựa chọn dự án ưu tiên đầu tư, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh. Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị đã được phê duyệt.

Sử dụng hợp lý quỹ đất phát triển nhà ở xã hội đã được quy hoạch và bố trí trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị; tiếp tục rà soát, bố trí quỹ đất 20% đất ở trong các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô trên 5 ha theo quy định, để tạo quỹ đất phát triển nhà ở xã hội.

3. Giải pháp về nguồn vốn:

- Công khai minh bạch thông tin về danh mục, quy mô dự án, lựa chọn nhà đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng hình thức xã hội hóa.

- Đề xuất lập quỹ phát triển nhà ở xã hội (với nguồn quỹ chủ yếu thu từ các dự án nhà ở thương mại, khu đô thị) và sử dụng hiệu quả nguồn quỹ này để phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Sử dụng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách (thông qua hình thức miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào dự án... cho các dự án xây dựng nhà ở xã hội) để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội.

- Tiếp tục kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà tài trợ, các tổ chức từ thiện hỗ trợ đối với gia đình nghèo trong việc cải tạo, xây mới nhà ở.

4. Giải pháp về kiến trúc, quy hoạch:

- Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, trong đó quy định phân khu cho việc xây dựng nhà ở của từng nhóm, loại nhà ở tại khu vực đô thị và nông thôn để làm cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương quản lý quy hoạch và đầu tư xây dựng theo đơn vị hành chính.

- Thực hiện tốt thiết kế đô thị trong các quy hoạch chi tiết, làm cơ sở quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị.

5. Giải pháp hỗ trợ nhà ở cho các nhóm đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội:

a) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội:

- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Liên đoàn lao động tỉnh để triển khai thực hiện việc xây dựng các thiết chế công đoàn. Địa điểm tại Lộc Ninh, theo Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất” ban hành kèm theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư xây dựng nhà ở lưu trú cho công nhân, nhà trẻ, siêu thị và các công trình văn hóa, thể thao, v.v..

- Trên cơ sở quỹ đất nhà ở xã hội hiện có, thực hiện đa dạng hóa các phương thức đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho các đối tượng theo quy định, chủ yếu sử dụng vốn ngoài ngân sách;

b) Khuyến khích phát triển loại hình nhà ở thương mại giá thấp để bán, cho thuê để đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người thu nhập thấp tại khu vực đô thị, công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

6. Giải pháp phát triển thị trường bất động sản:

Tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý thị trường bất động sản đặc biệt là phân khúc đất ở, nhà ở thông qua việc hoàn thiện xây dựng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản theo Nghị định số

117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1.1. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo định kỳ hàng năm.

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung các thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản khi Hệ thống thông tin này được vận hành.

- Phối hợp với Sở Lao động, Thương binh và Xã hội lập kế hoạch hàng năm việc hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng và hộ nghèo theo quy định.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu UBND các huyện, thành phố và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất các dự án nhà ở, khu đô thị có nhà ở, dự án đầu tư xây dựng có tạo ra đất ở thực hiện trên địa bàn tỉnh.

1.2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc bố trí kế hoạch vốn phát triển nhà ở.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình một số dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

1.4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp với Sở Xây dựng, các chủ đầu tư dự án phát triển quỹ đất ở, các địa phương lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch phát triển nhà ở làm căn cứ thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất thực hiện dự án.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

1.5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các cơ quan, địa phương liên quan rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, người có công

với cách mạng, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở trong quá trình triển khai thực hiện.

1.6. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân khu công nghiệp.

1.7. Liên đoàn Lao động tỉnh:

Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

1.8. Các sở, ban, ngành có liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, cung cấp thông tin, dữ liệu liên quan cho các đơn vị được giao chủ trì trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn quản lý. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất.

- Tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quản lý trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp với các quy hoạch liên quan để đề xuất thực hiện các dự án phát triển nhà ở.

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở theo phân cấp, đồng thời thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn theo quy định của pháp luật hiện hành; tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do UBND cấp xã báo cáo.

3. Trách nhiệm của nhà đầu tư, chủ đầu tư dự án nhà ở, khu đô thị, dự án ĐTXD sử dụng đất hỗn hợp có diện tích đất trong dự án để xây dựng nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

- Thực hiện báo cáo tiến độ dự án theo định kỳ hoặc đột xuất làm căn cứ đánh giá kết quả triển khai kế hoạch phát triển nhà ở.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./



Phụ lục 1
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KHU ĐÔ THỊ ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

STT	Đơn vị hành chính	Quy mô			Tổng diện tích sàn khi hoàn thành (m ²)	Diện tích sàn hoàn thành dự kiến năm 2022(m ²)
		Diện tích toàn dự án (ha)	Diện tích đất ở (ha)	Đất nền (Lô)		
	Toàn tỉnh	327	179	7.718	1.252.029	12.373
I	Thành phố Đồng Hới	212	129	4.628	788.529	12.373
1	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phóng Thủy, phường Đồng Phú, Đồng Hới	9,9	4,85	293	43.950	0
2	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Phùng Hưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới (Mha)	9,9	5,33	280	42.000	0
3	Dự án Khu nhà ở thương mại tại Trung tâm hành chính phường Đức Ninh Đông	7	31,3	196	29.400	0
4	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới	9,8	4,4	267	0.050	0
5	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thái Tổ, phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới	8	8	187	28.050	0
6	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Nam đường Trần Hưng Đạo, giáp với Đài phát sóng, phát thanh Đồng Hới	4,3	1,8	98	14.700	11.633
7	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần	11	4,44	275	41.250	0
8	Khu đô thị mới Phú Hải	11	12,3	493	73.950	740
9	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Mương Phóng thủy	9,97	4,63	223	33.450	0
10	Movenpic Central	0,29	0,18	21	3.150	0
11	Khu đô thị Nam Cầu Dài	40,3	12	565	84.750	0
12	Khu đô thị Bảo Ninh 1	21	9,3	420	63.000	0
13	Khu đô thị Bảo Ninh 2	18,39	8,9	209	31.350	0
14	Khu đô thị Bảo Ninh 3	16,57	8,23	305	45.750	0

15	Tổ hợp khách sạn, trung tâm thương mại và nhà ở kết hợp kinh doanh tại phường Hải Đình	1	0,7	59	8.850	0
16	Eurowindow Grant City	1,5	0,89	68	10.200	0
17	Dự án tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở Đồng Hới tại đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (Đồng Hới Complex)	5,81	2,236	155	22.366	0
18	Khu đô thị HADDALAND Bảo Ninh Green City	25,9	9,8	514	172.313	0
II	Huyện Bố Trạch	8	3	300	45000	0
19	Dự án khu nhà ở thương mại tại xã Thanh Trạch	8	3	300	45.000	0
III	Huyện Quảng Trạch	56,6	23,27	977	146550	0
20	Dự án Khu nhà ở thương mại tại trung tâm hành chính huyện lỵ mới	16,2	5,8	297	44.550	0
21	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới (dọc tuyến đường N1)	40,4	17,47	680	102.000	0
V	Huyện Lệ Thủy	16,11	8,4	271	40650	0
22	Dự án Khu nhà ở thương mại tại thị trấn Kiến Giang và xã Liên Thủy	9,5	5,2	98	14.700	0
23	Dự án Khu nhà ở thương mại thị trấn Nông trường Lệ Ninh	6,61	3,2	173	25.950	0
VI	Huyện Quảng Ninh	33,9	15,42	1542	231300	0
24	Dự án Khu nhà ở thương mại Dinh Mười III	9,9	5,06	506	75.900	0
25	Dự án Khu nhà ở thương mại thôn Hà Thiệp – Bắc Ninh	9,5	5,3	530	79.500	0
26	Dự án Khu nhà ở thương mại Đá Lả	6,5	2,8	280	42.000	0
27	Dự án Khu nhà ở thương mại tại vùng ruộng Nhất, thị trấn Quán Hàu	8	2,26	226	33.900	0



Phụ lục 2

**VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN MỚI
KHU NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KHU ĐÔ THỊ**

TT	Tên dự án (Tên các dự án trong Phụ lục 2 này tạm thời lấy theo tên do các đơn vị đề xuất; khi thực hiện dự án, CĐT xác định lại tên gọi, loại dự án để phù hợp với Luật Nhà ở, Luật Xây dựng)	Địa điểm	Diện tích (ha)
	Tổng		2.038,83
I	Huyện Lệ Thủy		201,68
1	Dự án Khu đô thị dọc 2 bên Quốc lộ 9C	Xuân Thủy, Mai Thủy	10
2	Dự án Khu đô thị Kiến Giang 1	Thị trấn Kiến Giang	8,9
3	Khu dân cư phía Tây Nam đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	Thị trấn Kiến Giang	9,23
4	Khu đô thị Liên Phong 1	Liên Thủy, Phong Thủy	9,9
5	Khu đô thị Liên Phong 2	Xã Liên Thủy, Phong Thủy	9,9
6	Khu đô thị Mỹ Phước, huyện Lệ Thủy.	xã Phong Thủy	22
7	Dự án Khu đô thị Liên Phong 3, huyện Lệ Thủy.	xã Phong Thủy, xã Liên Thủy	23
8	Khu nhà ở thương mại phía Đông Nam quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	xã Ngư Thủy Bắc	48,5
9	Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam quảng trường biển xã Ngư Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	xã Ngư Thủy Bắc	8,23
10	Khu đô thị - Dịch vụ phục vụ Khu công nghiệp Cam Liên tại xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình	xã Cam Thủy	47,72
11	Khu nhà ở thương mại tại thôn Lộc Thượng, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy	thôn Lộc Thượng, xã An Thủy	4,3

II	Huyện Quảng Ninh		625,96
12	Dự án Khu đô thị Võ Ninh 2	Xã Võ Ninh	20,57
13	Dự án Khu đô thị Võ Ninh 3	Xã Võ Ninh	10,9
14	Khu đô thị Đông Nam sông Nhật Lệ (Khu đô thị Võ Ninh 1).	Xã Võ Ninh	9,8
15	Khu đô thị Võ Ninh 4	Xã Võ Ninh	9,8
16	Khu đô thị Võ Ninh 5	Xã Võ Ninh	9,69
17	KĐT ven sông Rào Bạc	Xã Võ Ninh	9,8
18	Khu nhà ở thương mại xã Võ Ninh,	Xã Võ Ninh	28,26
19	Khu đô thị mới Phú Cát Riverside, xã Võ Ninh	Xã Võ Ninh	19,8
20	Khu Nhà ở thương mại đô thị Dinh Thủy	Xã Võ Ninh	7,83
21	Khu Nhà ở thương mại Ven sông Rào Bạc, xã Võ Ninh	Xã Võ Ninh	6,85
22	Khu đô thị thông minh Võ Ninh, xã Võ Ninh	Xã Võ Ninh	15,44
23	Khu đô thị Võ Ninh 6	Xã Võ Ninh	26,7
24	Khu nhà ở thương mại Trường An, xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	xã Gia Ninh	9,9
25	Khu nhà ở thương mại Dinh Mười, xã Gia Ninh	xã Gia Ninh	22,85
26	Khu nhà ở thương mại Gia Ninh,	xã Gia Ninh	21,0
27	Khu đô thị Lương Ninh, huyện Quảng Ninh	Xã Lương Ninh	36,5
28	Khu đô thị mới Bàu Rồng tại thôn Văn La, xã Lương Ninh,	Xã Lương Ninh	5,9
29	Khu đô thị phía Nam Đồng Hới	Lương Ninh, Quán Hàu	13,68
30	Khu đô thị cao cấp Quán Hàu	TT. Quán Hàu	18,11
31	Khu đô thị sinh thái ven biển Tân Hải - Hải Ninh	Xã Hải Ninh	37,5
32	Khu đô thị mới Xuân Hải - Cửa Thôn (Khu đô thị Hải Ninh 1).	Xã Hải Ninh	16,4

33	Khu đô thị Tân Định - Hải Ninh (Khu đô thị Hải Ninh 2)	Xã Hải Ninh	15,0
34	Khu đô thị Hải Ninh 3	Xã Hải Ninh	13,4
35	Khu đô thị Hải Ninh 4	Xã Hải Ninh	16,6
36	Khu đô thị Hải Ninh 7	Xã Hải Ninh	10,0
37	Khu đô thị Hải Ninh 8	Xã Hải Ninh	20,0
38	Khu đô thị DIC (KĐT1: 49,3ha, KĐT2: 49,7ha)	Xã Hải Ninh	99,0
39	Khu đô thị AKADON Tân Định – Hải Ninh.	Xã Hải Ninh	9,71
40	Khu Đô thị, nghỉ dưỡng sinh thái phía Bắc thôn Tân Định, xã Hải Ninh,	Xã Hải Ninh	11,20
41	Khu đô thị Xuân Hải Riverside, xã Hải Ninh	Xã Hải Ninh	25,20
42	Khu đô thị ven biển Cửa Thôn – Tân Hải, xã Hải Ninh,	Xã Hải Ninh	6,93
43	Khu nhà ở thương mại Biển Ngọc Hải Ninh	Xã Hải Ninh	36,0
44	Khu du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái phía Bắc thôn Tân Định, xã Hải Ninh,	Xã Hải Ninh	5,64
III	Thành phố Đồng Hới		546,08
45	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 4	Xã Bảo Ninh	41,5
46	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 5	Xã Bảo Ninh	49,4
47	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 6	Xã Bảo Ninh	41,9
48	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 7	Xã Bảo Ninh	46,7
49	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8	Xã Bảo Ninh	18
50	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh - Hà Trung	Xã Bảo Ninh	18
51	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh - Cửa Phú	Xã Bảo Ninh	18,5
52	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh Xanh	Xã Bảo Ninh	13
53	Dự án Khu đô thị Phương Bắc	Xã Bảo Ninh	17,7

54	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 9	Xã Bảo Ninh	14,5
55	Dự án Khu đô thị Bảo Ninh Pearl, thành phố Đồng Hới	Xã Bảo Ninh	23
56	Dự án khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh	phường Nam Lý	3,04
57	Dự án khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh 2	phường Nam Lý	6,5
58	Dự án Khu dân cư phía Nam đường Nguyễn Đăng Tuấn	phường Nam Lý, Đồng Hới	8,42
59	Dự án Khu đô thị phía Bắc đường F325 Phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý	17
60	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông đường Nguyễn Văn Linh, phường Bắc Lý	Phường Bắc Lý	3,3
61	Khu đô thị Bắc Lý	Phường Bắc Lý	33
62	Dự án Khu đô thị sinh thái phía Tây Bắc sông Lệ Kỳ	Phường Đức Ninh Đông	6
63	Dự án mở rộng giai đoạn 2 dự án Khu dân cư phía Tây Bắc đường Lê Lợi, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	6,9
64	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư đô thị phía Tây Bắc đường 27m, phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới	Phường Đức Ninh Đông, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới	7,7
65	Dự án Khu đô thị phía Tây Bắc đường Lê Lợi	Phường Đức Ninh Đông	9,1
66	Dự án Khu đô thị Diêm Tân, thành phố Đồng Hới	Các phường: Đức Ninh Đông, Nam Lý	10,7
67	Dự án Khu đô thị phía Đông Bắc đường Lý Thường Kiệt	Các phường: Đồng Phú, Bắc Lý	9,1
68	Dự án Khu đô thị trung tâm phía Đông đường Phùng Hưng	Phường Đồng Phú	5
69	Dự án Khu đô thị phía Bắc công viên trung tâm thành phố Đồng Hới	Phường Đồng Phú	2,7
70	Dự án Khu đô thị phía Tây đường Lý Nam Đế	Phường Đồng Phú	9,58

71	Dự án khu đô thị phía Tây đường Phan Huy Chú (trước đây là dự án Khu đô thị phía Tây hồ Bà Tró)	phường Đồng Phú	9,66
72	Dự án Khu đô thị phía Nam đường Nguyễn Văn Cừ	phường Đức Ninh Đông và phường Nam Lý	7,7
73	Dự án Khu đô thị phía sau chợ Đức Ninh, xã Đức Ninh, thành phố Đồng Hới	Xã Đức Ninh	11
74	Dự án Khu nhà ở thương mại Phú Xá, Lộc Ninh, Đồng Hới	xã Lộc Ninh, TP Đồng Hới	6,45
75	Dự án Khu đô thị Lộc Ninh	Xã Lộc Ninh	10
76	Dự án Khu đô thị sinh thái thành phố Đồng Hới	Xã Đức Ninh	10,3
77	Dự án Khu đô thị sinh thái phía Tây Nam sông Lệ Kỳ	Xã Đức Ninh	9,5
78	Dự án Khu đô thị sinh thái phía Tây sông Lệ Kỳ	Xã Đức Ninh	9,4
79	Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Lệ Kỳ	Xã Đức Ninh	11,1
80	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Tây đường 36m	xã Đức Ninh	10,3
81	Dự án Khu đô thị Quang Phú	Xã Quang Phú	10,33
IV	Huyện Bố Trạch		319,76
82	Khu đô thị Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	9,62
83	Khu đô thị Đại - Trung	Xã Trung Trạch, xã Đại Trạch	14,2
84	Khu đô thị Đại Trạch	Xã Đại Trạch	21,47
85	Khu đô thị Phúc Tự Tây	Xã Đại Trạch	21,6
86	Khu đô thị Lý Nhân	Xã Đại Trạch	19,06
87	Khu đô thị phía Đông thôn Lý Nhân	Xã Đại Trạch	19,06
88	Khu đô thị Hải Phú (xã Phú Trạch cũ)	Xã Hải Phú	12,51

89	Khu đô thị Thanh Trạch	Xã Thanh Trạch	9,7
90	Khu nhà ở thương mại xã Thanh Trạch	Xã Thanh Trạch	0,94
91	Khu đô thị Nam sông Dinh	Xã Lý Trạch	19,55
92	Khu đô thị Vạn Xuân	Xã Lý Trạch	15,2
93	Khu đô thị Lý Trạch	Xã Lý Trạch	19,15
94	Khu đô thị Quang Phú	Xã Lý Trạch, xã Quang Phú	5,01
95	Khu đô thị Đông sông Dinh	Xã Lý Trạch	19,78
96	Khu đô thị kết hợp nghỉ dưỡng Sand Hill	Xã Nhân Trạch, xã Lý Trạch	81,61
97	Khu đô thị tại thôn Hà Lồi	Xã Sơn Trạch	31,3
V	Thị xã Ba Đồn		192,93
98	Khu đô thị thông minh phường Quảng Thọ	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	49,8
99	Khu đô thị tại khu vực trung tâm thị xã Ba Đồn	Các phường Quảng Thọ và Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	42,0
100	Khu phức hợp Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	2,03
101	Khu đô thị phức hợp du lịch nghỉ dưỡng thương mại tại phường Quảng Thọ	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	35,9
102	Khu đô thị Côn Két tại phường Quảng Thuận	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	50,2
103	Khu đô thị Nam thị xã Ba Đồn	Xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn	13,0
VI	Huyện Quảng Trạch		152,42
104	Khu đô thị Nam Vũng Chùa – Đảo Yến	Xã Quảng Đông	11,84
105	Khu đô thị sinh thái phía Bắc Hồ Bàu Sen, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Phương	33,0

Phụ lục 3

**VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN CÁC DỰ ÁN ĐTXD SỬ DỤNG ĐẤT HỒN
HỢP CÓ DIỆN TÍCH ĐẤT TRONG DỰ ÁN ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ Ở**

STT	Tên dự án <i>(Tên các dự án trong Phụ lục 3 này tạm thời lấy theo tên do các đơn vị đề xuất; khi thực hiện dự án, CĐT xác định lại tên gọi, loại dự án để phù hợp với Luật Nhà ở, Luật Xây dựng)</i>	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)
Tổng			582,12
I	Huyện Lệ Thủy		
1	Khu dân cư xã Sơn Thủy	Thôn Hoàng Đàm, xã Sơn Thủy	1,5
2	Khu dân cư phía Nam đường tránh lũ Quốc lộ 1A, xã Hồng Thủy	Xã Hồng Thủy	4,9
3	Phát triển quỹ đất ở (lô VIII - OM13) xã Mai Thủy.	Xã Mai Thủy	2,36
4	Xây dựng hệ thống HTKT khu dân cư thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	4,3
5	Đấu giá quyền sử dụng đất tại khu tái định cư Bang	Xã Kim Thủy	23,6
6	Khu tái định cư cầu An - Lộc	Xã An Thủy	2,56
7	Dự án Khu dân cư phía Tây trục đường 27m, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	4,6
8	Khu dân cư phía Tây Nam đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	Thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy	9,23
II	Huyện Quảng Ninh		
9	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Nam Cổ Hiền, xã Hiền Ninh	Xã Hiền Ninh	1,6
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía bắc đường Nguyệt Áng - Nam Long xã Xuân Ninh (Giai đoạn 1)	Xã Xuân Ninh	2,2
11	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Lương Yên, xã Lương Ninh (Giai đoạn 2)	Xã Lương Ninh	1,6
12	Xây dựng hạ tầng khu Dinh Mười 4	Xã Gia Ninh	4,0

106	Dự án Khu nhà ở thương mại tại trung tâm hành chính huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	xã Quảng Phương	16,50
107	Khu nhà ở thương mại phía Tây khu trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	xã Quảng Phương	3,98
108	Khu nhà ở thương mại phía Tây thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương	Xã Quảng Phương	17,0
109	Khu đô thị phía Đông Kênh Xuân Hưng, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Tùng	12,0
110	Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông ngoài trung tâm hành chính huyện lỵ mới Quảng Trạch	xã Quảng Hưng	40,4
111	Khu đô thị Nam thị xã Ba Đồn	Xã Quảng Lộc	10,89
112	Khu đô thị Tây Quảng Lộc	Xã Quảng Lộc	6,81

13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Hàm Hòa, xã Hàm Ninh (Giai đoạn 1)	Xã Hàm Ninh	3,0
14	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Bắc Ninh 3 (Giai đoạn 1)	Xã Võ Ninh	3,0
15	Xây dựng hạ tầng khu dân cư phía tây Rào Bạc, xã Duy Ninh	Xã Duy Ninh	1,6
III	Thành phố Đồng Hới		
16	HTKT khu đất ở khu vực Đồng Bàu Miêu, xã Đức Ninh, TP Đồng Hới	xã Đức Ninh	4,7
17	HTKT khu đất ở mới thôn Bắc Phú, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới	Xã Quang Phú	5,6
18	Dự án Khu dân cư phía Tây Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Nam và bổ sung hồ điều hoà)	Phường Bắc Lý	2,21
19	Dự án Khu dân cư phía Tây đường Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới (phần mở rộng về phía Đông)	Phường Bắc Lý	1,3
20	Dự án Tạo quỹ đất khu dân cư phía Bắc đường Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa (phần mở rộng, bổ sung)	Phường Bắc Nghĩa	0,8
IV	Huyện Bố Trạch		
21	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Tây bến xe Hoàn Lão, thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Thị trấn Hoàn Lão	2,70
22	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực Động Cát, xã Đại Trạch	Xã Đại Trạch	2,50
23	Tạo quỹ đất ở thôn 1, xã Bắc Trạch	Xã Bắc Trạch	2,10
24	Tạo quỹ đất ở thôn Nam Năm, xã Cự Năm	Xã Cự Năm	2,10
25	Tạo quỹ đất ở tại ngã ba Hưng Trạch, xã Hưng Trạch	Xã Hưng Trạch	3,50
26	Tạo quỹ đất ở khu vực Đồng Nước Trong - phía Nam Đồng Lòi thuộc thôn 6 và thôn 8 xã Trung Trạch	Xã Trung Trạch	2,10
27	Đầu tư khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực thôn Nam Đức, xã Đức Trạch	Xã Đức Trạch	2,00

28	Tạo quỹ đất ở khu vực thôn Chánh Hòa, xã Nam Trạch, huyện Bố Trạch	Xã Nam Trạch	1,35
29	Tạo quỹ đất ở khu vực thôn Quý Thuận, xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Xã Hải Phú	1,10
30	Khai thác quỹ đất ở khu vực thôn 1, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch	Xã Hạ Trạch	1,00
31	Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng tại thôn Xuân Tiên, xã Sơn Trạch	Thị trấn Phong Nha	4,60
32	Dự án tạo quỹ đất ở thôn Xuân Sơn, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch	Thị trấn Phong Nha	3,71
33	Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất khu vực Đồng Bùn, xã Lý Trạch	Xã Lý Trạch	4,90
34	Đất ở tái định cư dự án Cầu sông Trước	Xã Tây Trạch	0,12
35	Tái định cư khi thực hiện dự án Tuyến đường dây 500kV Quảng Trạch Đốc Sỏi tuyến qua huyện Bố Trạch	Xã Cự Năm	0,31
36	Đất ở tại nông thôn xã Đức Trạch (xen kẽ 0,50 ha; thôn Đức Trung 0,36 ha)	Xã Đức Trạch	0,86
37	Đất ở nông thôn xã Hạ Trạch thôn 8 (2 vị trí) 0,06 ha; thôn 7 0,27 ha; thôn 5: 0,43 ha; thôn 9 0,09 ha; thôn 1 (2 vị trí) 0,50 ha)	Xã Hạ Trạch	1,35
38	Đất ở nông thôn xã Hải Phú (trường tiểu học Tân Lý 0,50 ha; NVH Nam Sơn 0,06 ha; thôn Đông Duyệt 1: 0,50 ha; thôn Bắc Sơn 0,50 ha; thôn Tân Lý 0,29 ha)	Xã Hải Phú	1,85
39	Đất ở nông thôn xã Hưng Trạch (thôn Khương Hà 2 (KV1) 0,50 ha; thôn Khương Hà 2 (KV2) 0,48 ha; thôn Bồng Lai 1 0,50 ha; tái định cư Cây Sắn, Hưng Thúc (2 vị trí) 0,45 ha)	Xã Hưng Trạch	1,93
40	Đất ở nông thôn xã Mỹ Trạch (vùng Cửa Mương thôn 6 0,50 ha; vùng Buồm thôn 4 0,50 ha; vùng Trờ Má thôn 1 0,46 ha)	Xã Mỹ Trạch	1,46
41	Đất ở tại nông thôn xã Nam Trạch (thôn Đông Thành (2 vị trí) 0,48 ha; kv nhà văn hóa thôn Chánh Hòa đi nhà mẹ Mai (2 vị	Xã Nam Trạch	1,5

	trí) 0,50 ha; thôn Bắc Hồng 0,20 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư 0,32 ha)		
42	Đất ở nông thôn xã Nhân Trạch (thôn Nhân Quang 0,50 ha; thôn Nhân Đức (KV1) 0,50 ha; thôn Nhân Đức (KV2) 0,50 ha)	Xã Nam Trạch	1,5
43	Đất ở tại nông thôn xã Phú Định (thôn Trung Định 0,50 ha; thôn Nam Định 0,50 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư 0,48 ha)	Xã Phú Định	1,48
44	Đất ở tại nông thôn xã Phúc Trạch (thôn 2 Phúc Đồng (2 vị trí) 0,24 ha; thôn 1 Phúc Đồng 0,06 ha; thôn 1 Thanh Sen 0,07 ha; thôn 2 Thanh Sen 0,23 ha)	Xã Phúc Trạch	0,6
45	Đất ở tại nông thôn xã Thượng Trạch (Cà Ròng 2: 0,50 ha; bản Khe Rung 0,50 ha)	Xã Thượng Trạch	1,0
46	Đất ở nông thôn xã Xuân Trạch	Xã Xuân Trạch	0,4
47	Đất ở tại nông thôn xã Cự Năm (thôn Nam Năm 0,41 ha; KV liên thôn Trung Năm đi Nam Năm 0,50 ha; thôn Tây Năm 0,47 ha; Khu vực Đồng Lớn 0,50 ha)	Xã Cự Năm	1,88
48	Đất ở tại nông thôn xã Liên Trạch (thôn Phú Kinh 0,50 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư 0,49 ha)	Xã Liên Trạch	0,99
49	Đất ở nông thôn xã Trung Trạch (khu vực Còn Quyên thôn 3: 0,5 ha; KV Còn Quyên (KV2) 0,50 ha; KV Nương Tuấn 0,50 ha)	Xã Trung Trạch	1,5
50	Đất ở tại nông thôn xã Đại Trạch (KV Bạc Hà (Gđ1) 0,30 ha; KV Bạc Hà (GĐ2) 0,50 ha; KV Phúc Tự Đông 0,50 ha)	Xã Đại Trạch	1,3
51	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Trạch (thôn 2: 0,50 ha; thôn 4 0,50 ha; đất ở xen kẽ trong khu dân cư 0,50 ha)	Xã Lâm Trạch	1,5
52	Đất ở tại nông thôn xã Hòa Trạch (thôn Hồ (2 vị trí) 0,50 ha; thôn Hòa Đồng 0,24 ha; thôn Dài (2 vị trí) 0,50 ha)	Xã Hòa Trạch	1,24
53	Đất ở nông thôn xã Tây Trạch (KV trạm y tế 0,31 ha; Võ Thuận 2 đợt 1: 0,32 ha; thôn Mít KV1 đợt 1: 0,49 ha; thôn Mít	Xã Tây Trạch	2,15

	KV2 đợt 3: 0,50 ha; thôn Làng 0,50 ha; NVH thôn Làng 0,03 (ha)		
54	Đất ở tại nông thôn xã Bắc Trạch (thôn 5: 0,30 ha; thôn 6 0,50 ha; thôn 2 (2 vị trí) 0,20 ha; Hà Luật thôn 1: 0,50 ha)	Xã Bắc Trạch	1,5
55	Đất ở nông thôn xã Đông Trạch (KV nhà văn hóa thôn 5,6 0,50 ha; thôn 1: 0,32 ha; thôn 5 0,50 ha; thôn 4: 0,50 ha; thôn 3 0,17 ha; thôn 2: 0,40 ha; cửa nhà ông Thọ thôn 3: 0,50 ha; thanh lý các nhà văn hóa 0,27 ha)	Xã Đông Trạch	3,16
56	Đất ở nông thôn xã Thanh Trạch (thôn Tiên Phong 0,5 ha; dãy 2 cầu Khe Nước 0,40 ha; Đất ở xen kẽ trong khu dân cư 0,50 ha)	Xã Thanh Trạch	1,4
57	Đất ở tại nông thôn xã Vạn Trạch (thôn Nam (KV1) 0,50 ha; thôn Bắc 0,50 ha; thôn Tây Đông 0,50 ha; thôn Nam (KV2) 0,50 ha)	Xã Vạn Trạch	2,5
58	Đất ở nông thôn xã Sơn Lộc (thôn Đồng Sơn 0,09 ha; thôn Sơn Lý 0,50 ha; thôn Thanh Lộc 0,34 ha)	Xã Sơn Lộc	0,93
59	Đất ở nông thôn xã Lý Trạch	Xã Lý Trạch	0,5
60	Bồi thường bằng đất khi thu hồi đất thực hiện dự án Đường nối tiếp từ đường Lê Lợi đi xã Trung Trạch	Thị trấn Hoàn Lão	0,08
61	Đất ở tại đô thị thị trấn Hoàn Lão (tiểu khu 9: 0,5 ha; tiểu khu 4,5: 0,43 ha; Đông hồ Cồn Sãi 0,34 ha; KV Bàu Cầu 0,13 ha; đất ở xen kẽ tiểu khu 8: 0,46 ha; thôn 6: 0,50 ha)	Thị trấn Hoàn Lão	2,36
62	Đất ở tại đô thị thị trấn Phong Nha (TDP Gia Tĩnh 0,50 ha; TDP Xuân Sơn 0,44 ha; TDP Cù Lạc 1 0,50 ha)	Thị trấn Phong Nha	1,44
63	Đất lẻ xen kẽ trong khu dân cư tại thị trấn NTVT	TT Nông trường Việt Trung	0,47
V	Thị xã Ba Đồn		
64	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới thôn Tiên Xuân, xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn.	Xã Quảng Tiên, thị xã Ba Đồn	3,03
65	Dự án: Phát triển quỹ đất khu dân cư dọc bờ sông Gianh, tổ dân phố Cầu, phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn.	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	5,09

66	Hạ tầng khu dân cư phía Nam tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn.	Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	6,7
67	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc tổ dân phố Trường Sơn, phường Quảng Long, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn.	Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	5,3
68	Điểm dân cư khu phố 2 phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn.	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	2,02
69	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 1)	Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	4,9
70	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc phường Quảng Long (Giai đoạn 2)	Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	4,9
71	Hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm xã Quảng Hoà (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn	3,56
72	Hạ tầng kỹ thuật Khu trung tâm xã Quảng Hoà (Giai đoạn 2)	Xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn	4,5
73	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc TDP Minh Phượng và TDP Minh Lợi, phường Quảng Thọ (giai đoạn 1)	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	4,9
74	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Nam tỉnh lộ 559, thôn Vĩnh Phước Đông, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn (giai đoạn 1).	Xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn	4,8
75	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía Bắc tuyến đường tỉnh lộ 559B, xã Quảng Sơn (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Sơn, thị xã Ba Đồn	4,9
76	Phát triển quỹ đất khu dân cư đồng Cồn Trót, TDP Chính Trực, phường Quảng Long.	Phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn	4,89
77	Phát triển quỹ đất khu dân cư phía sau trụ sở UBND phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	4,07
78	Phát triển quỹ đất tại khu dân cư phía Nam đường Quang Trung, thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	17,6
79	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Cồn Đò và Đồng Cồn Voi phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn	6,02
80	Khu dân cư phía Đông TDP Tân Xuân, phường Quảng Phong.	Phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn	7,16

81	Hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường trục chính từ Quốc lộ 12A đi cụm trung tâm các xã vùng Nam, xã Quảng Hòa	Xã Quảng Hoà, thị xã Ba Đồn	9,9
82	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư phía Đông đường Nguyễn Hữu Cảnh, phường Quảng Thọ	Phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn	15,9
83	Hạ tầng kỹ thuật tạo quỹ đất ở KDC phía Nam đường Hùng Vương (giai đoạn 2)	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	11,29
84	khu dân cư phía Đông Nam phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	0,58
85	Khu dân cư cầu Bánh Tét, khu phố 2, phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	Phường Ba Đồn, thị xã Ba Đồn	0,82
86	Khu dân cư và đường Lý Thường Kiệt đoạn qua phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	4,9
87	khu dân cư OM3, OM4 thuộc quy hoạch phân khu phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	2,24
88	Đất ở khu vực vùng Đồng Mua, xóm Cầu (giai đoạn 2), phường Quảng Thuận thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	4,2
89	Phát triển quỹ đất tổ dân phố 1, phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình	Phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn	1,86
90	Khu dân cư tại khu vực OM30 thuộc Quy hoạch phân khu phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn	Phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn	0,6
91	Điểm dân cư nông thôn thôn Tân Trường, xã Quảng Tân	Xã Quảng Tân, thị xã Ba Đồn	0,56
92	Điểm dân cư khu vực vườn Phụ Lão, thôn Thượng Thôn, xã Quảng Trung	Xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	1,06
93	Phát triển quỹ đất điểm dân cư khu vực 2 thôn Trung Thôn, xã Quảng Trung	Xã Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	2,06
VI	Huyện Quảng Trạch		
94	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Rú Côi, thôn Pháp Kê, xã Quảng Phương (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,96

95	Hạ tầng kỹ thuật khu ở mới tại thôn Đông Hưng, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Đông	4,35
96	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân An xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	3,51
97	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Hưng	4,32
98	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch đất ở và đất thương mại dịch vụ tại khu vực thôn Tú Loan 1,2,3 xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2)	Xã Quảng Hưng	3,72
99	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết phân lô đất ở khu vực Đồng Vời thôn Thanh Lương, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch.	Xã Quảng Xuân	2,0
100	Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Nương thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch.	Xã Quảng Phú	3,06
101	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan xã Quảng Hưng (Giai đoạn 2)	Xã Quảng Hưng	4,27
102	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư và tạo quỹ đất phía Tây Nam Trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 2)	Xã Quảng Phương	4,65
103	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Hóc Sao, thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (giai đoạn 2)	Xã Quảng Phương	23,07
104	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Sũng thôn Thanh Bình, xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch.	Xã Quảng Xuân	0,96
105	Hạ tầng khu dân cư Đồng Ràng, thôn Di Lộc, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch.	Xã Quảng Tùng	3,7
106	Hạ tầng khu dân cư phía Tây Kênh Xuân Hưng, xã Quảng Tùng, huyện Quảng Trạch.(Giai đoạn 1).	Xã Quảng Tùng	4,56
107	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư phía Tây Bắc tuyến đường nối từ Quốc lộ 1A đi Bàu Sen xã Quảng Hưng (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Hưng	5,09



108	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Pháp Kệ xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,85
109	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chi tiết Khu vực thuộc trung tâm xã tại thôn Phù Ninh xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Thanh	1,91
110	Hạ tầng khu dân cư phía Tây tuyến đường từ thị xã Ba Đồn đi Trung tâm huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	3,5
111	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,86
112	Hạ tầng khu dân cư phía Bắc Trung tâm huyện lỵ huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Xã Quảng Phương	4,48
113	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông Bắc, Trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,88
114	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Tây Bắc tuyến đường từ trung tâm huyện lỵ đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,96
115	Hạ tầng khu dân cư phía Đông Bắc tuyến đường từ Trung tâm huyện đi xã Quảng Lưu (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,96
116	Hạ tầng kỹ thuật khu vực phía Đông Nam Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,9
117	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Xuân Kiều và thôn Thanh Lương xã Quảng Xuân	Xã Quảng Xuân	4,98
118	Hạ tầng kỹ thuật quy hoạch chi tiết khu dân cư phía Tây thôn Pháp Kệ, xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Phương	4,99
119	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Đông	4,9

120	Hạ tầng kỹ thuật điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư thôn Minh Sơn xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch	Xã Quảng Đông	0,95
121	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Nam Lãnh, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch	xã Quảng Phú	4,81
122	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu dân cư thôn Hòa Bình xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Hưng	4,9
123	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Phù Lưu, xã Quảng Lưu, huyện Quảng Trạch (Giai đoạn 1)	Xã Quảng Lưu	4,9
124	Phân lô đất ở các thửa đất xen cư tại khu vực các thôn Trung Vũ, Đông Cảng, Tân Cảnh và Yên Hải	xã Cảnh Dương	0,08
125	Tạo quỹ đất ở xã Cảnh Hóa	xã Cảnh Hóa	0,28
126	Đất ở xen cư xã Liên Trường (thôn Đông Phúc, thôn Xuân Trường, thôn Thu Trường)	xã Liên Trường	0,84
127	Quy hoạch đất ở thôn 5 và thôn 6 (xã Quảng Liên cũ) nay là xã Liên Trường	xã Liên Trường	1,08
128	Tạo quỹ đất lẻ (Thôn Trường Xuân)	xã Liên Trường	0,28
129	Tạo quỹ đất ở xã Quảng Châu (5 vị trí)	xã Quảng Châu	0,51
130	Khu đất ở Đông Hưng, xã Quảng Đông, Khu kinh tế Hòn La	xã Quảng Đông	12,0
131	Tạo quỹ đất để bố trí tái định cư do GPMB Khu du lịch và nhà ở sinh thái Sun Spa-Đảo Yến	xã Quảng Đông	0,15
132	Khu dân cư thôn Thanh Xuân, thôn Hợp Trung xã Quảng Hợp (Vùng quy hoạch phân lô đất làm nhà ở khu trung tâm, thôn Thanh Xuân, thôn Hợp Trung xã Quảng Hợp)	xã Quảng Hợp	0,35
133	Tạo quỹ đất để bố trí tái định cư phục vụ GPMB đường dây 500KV Quảng Trạch-Dốc Sỏi	xã Quảng Hợp	0,06

134	Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan xã Quảng Hưng (giai đoạn 2)-Khu vực 1	xã Quảng Hưng	5,1
135	Hạ tầng kỹ thuật khu Quy hoạch khu vực thôn 1 Tú Loan, xã Quảng Hưng (giai đoạn 2)	xã Quảng Hưng	4,9
136	Tạo quỹ đất lẻ xã Quảng Hưng (Thôn Hưng Lộc)	xã Quảng Hưng	0,33
137	Tạo quỹ đất ở (Thôn 4, thôn 1) xã Quảng Kim	xã Quảng Kim	0,25
138	Quy hoạch đất ở khu vực Lò ngói cũ thôn Vân Tiên	xã Quảng Lưu	0,48
139	Khu nhà trực vận hành và nhà ở cho cán bộ công nhân viên thực hiện nhiệm vụ quản lý vận hành Trung tâm Điện lực Quảng Trạch thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I	xã Quảng Phú	15,52
140	Mở rộng quy hoạch chi tiết khu ở mới Đồng Trạm thôn phú Lộc 4 xã Quảng Phú	xã Quảng Phú	0,5
141	Tạo quỹ đất ở xã Quảng Phú	xã Quảng Phú	0,08
142	Quy hoạch đất ở xen cư xã Quảng Thạch	xã Quảng Thạch	0,65
143	Tạo quỹ đất ở thôn Hà Tiến, xã Quảng Tiến	xã Quảng Tiến	0,46
144	Tạo quỹ đất ở xã Quảng Xuân (thôn Thanh Bình, thôn Thanh Lương, thôn Xuân Kiều)	xã Quảng Xuân	0,71
VII	Huyện Tuyên Hóa		
145	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc đường 12A thôn Tây Trúc	Xã Tiến Hóa	17,95
146	Dự án phát triển quỹ đất tại thôn Tam Đa, xã Tiến Hoá (Đợt 1)	Xã Tiến Hóa	4,53
147	Dự án phát triển quỹ đất tại khu trung tâm xã Phong Hoá	Xã Phong Hóa	4,61
148	Phát triển quỹ đất tại thôn Liên Hóa	Xã Mai Hóa	0,19

149	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Đồng Văn	TT Đồng Lê	0,3
150	Phát triển quỹ đất ở tiểu khu Tam Đồng	TT Đồng Lê	0,35
151	Khu Tái định cư hầm Đường sắt Khe Nét.	Xã Kim Hóa	2,63
152	Phát triển quỹ đất ở nông thôn xã Sơn Hóa	Xã Sơn Hóa	5,8
153	Phát triển quỹ đất ở nông thôn xã Mai Hóa	Xã Mai Hóa	2,66
154	Phát triển quỹ đất ở nông thôn xã Thanh Thạch	Xã Thanh Thạch	2,22
155	Phát triển quỹ đất ở nông thôn xã Thanh Hóa	Xã Thanh Hóa	1,16
156	Khu tái định cư thôn Đạm Thủy 1 và 2 xã Thạch Hóa	Xã Thạch Hóa	1,62
157	Khu di dân tại xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Xã Thuận Hóa.	1,31
158	Đất ở tại nông thôn xã Đồng Hóa	Xã Đồng Hóa	0,22
159	Đất ở tại nông thôn xã Cao Quảng	Xã Cao Quảng	1,5
160	Đất ở tại nông thôn xã Lâm Hóa	Xã Lâm Hóa	2,14
161	Đất ở tại nông thôn xã Văn Hóa	Xã Văn Hóa	1,16
162	Đất ở tại nông thôn xã Thanh Hóa	Xã Thanh Hóa	0,3
163	Đất ở tại nông thôn xã Mai Hóa	Xã Mai Hóa	0,75
164	Đất ở tại nông thôn xã Châu Hóa	Xã Châu Hóa	0,48
165	Đất ở tại nông thôn xã Đức Hóa	Xã Đức Hóa	0,99
166	Đất ở tại nông thôn xã Thuận Hóa	Xã Thuận Hóa	1,29
167	Đất ở tại nông thôn xã Lê Hóa	Xã Lê Hóa	0,41
168	Đất ở tại nông thôn xã Kim Hóa	Xã Kim Hóa	0,65
169	Đất ở tại nông thôn xã Sơn Hóa	Xã Sơn Hóa	0,95

170	Đất ở tại nông thôn xã Hương Hóa	Xã Hương Hóa	0,5
171	Đất ở tại nông thôn xã Tiên Hóa	Xã Tiên Hóa	1,48
172	Đất ở tại nông thôn xã Thạch Hóa	Xã Thạch Hóa	1,21
173	Đất ở tại nông thôn xã Phong Hóa	Xã Phong Hóa	0,75
174	Phát triển quỹ đất ở đô thị thị trấn Đồng Lê (4 khu vực)	Thị trấn Đồng Lê.	17,54
VIII	Huyện Minh Hóa		
175	Dự án Tạo, phát triển quỹ đất tại các ô; 05, 07, 09, thị trấn Quy Đạt	Tiểu khu 1, thị trấn Quy Đạt huyện Minh Hóa	2,74
176	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở khu vực thôn Tân Lợi, xã Yên Hóa	Xã Yên Hóa huyện Minh Hóa	9,93
177	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở Vườn Cải, Tù Tỳ, xã Yên Hóa	Xã Yên Hóa huyện Minh Hóa	7,35
178	Tạo quỹ đất xen kẽ tại các xã: Hóa hợp, Hồng Hóa, Tân Hóa, Thượng Hóa, Xuân Hóa, Yên Hóa	Tại các xã: Hóa hợp, Hồng Hóa, Tân Hóa, Thượng Hóa, Xuân Hóa, Yên Hóa	3,0



Phụ lục 4

VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI

TT	Tên dự án	Vị trí	Tổng diện tích (ha)
	Thành phố Đồng Hới		23,4
1	Khu đất giáp ranh giữa phường Đồng Phú và phường Bắc Lý	Phường Đồng Phú	4,1
2	Khu đất phía Đông Nam đường Cao Thắng	Xã Lộc Ninh	9,95
3	Quỹ đất 20% tại Dự án Khu nhà ở thương mại phía Tây Nam đường Lý Thánh Tông, đoạn từ đường F325 đến đường Trương Phúc Phần	Phường Bắc Lý, xã Lộc Ninh	1,02
4	Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Nam Cầu Dài	Phường Phú Hải	3,02
5	Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Bảo Ninh 1	Xã Bảo Ninh	1,88
6	Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Bảo Ninh 2	Xã Bảo Ninh	1,78
7	Quỹ đất 20% tại Khu đô thị Bảo Ninh 3	Xã Bảo Ninh	1,66

